

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số : 77/2019/DS-ST
Ngày : 21-11-2019
V/V tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Trí.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Bé.

Ông Lê Quốc Tiết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Duy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An: Bà Lê Thị Ngọc Lan- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20, 21 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 156/2019/TLST-DS ngày 13 tháng 9 năm 2019 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2019/QĐXXDS-ST ngày 16 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn P.

Người đại diện theo ủy quyền của ông P: Bà Vũ Thị Bích H.

Cùng địa chỉ: đường Võ Văn T, phường Y, thành phố A, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Bà Lê Thị Mai K. Địa chỉ: ấp T 2, xã M, huyện T, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27-8-2019 và quá trình giải quyết vụ án bà Vũ Thị Bích H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 02/11/2018, ông P có cho bà K vay 300.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận miệng lãi suất là 2%/tháng, thời hạn vay 2 năm, khi vay bà K có ký giấy nhận nợ với ông P, bà K hẹn trong hai tháng trả vốn, lãi nhưng bà K không trả cho ông P. Đến nay đã quá hạn và ông P đã đòi nợ nhiều lần nhưng bà K không trả vốn vay và lãi cho ông P. Nay ông P yêu cầu bà K phải trả cho ông Phong 300.000.000 đồng vốn

vay và lãi suất là 2%/ tháng từ (02/11/2018- 27/8/2019 là 09 tháng 25 ngày), tiền lãi là 59.000.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 359.000.000 đồng, trong thời gian 01 tháng tính từ ngày 23/9/2019.

Tại phiên tòa bà H xác định bà yêu cầu tính lãi, với mức lãi suất là 1,66%/ tháng (02/11/2018- 27/8/2019 là 09 tháng 25 ngày), tiền lãi là 49.970.000 đồng. Bà đồng ý khấu trừ 2.000.000 đồng đã nhận vào phần tiền lãi cho bà K, ông P chỉ yêu cầu bà K trả vốn vay và tiền lãi là 347.000.000 đồng, yêu cầu trả dần mỗi tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi xong nợ.

Bà Lê Thị Mai K là bị đơn trình bày: Qua lời trình bày của bà H là không đúng.

Vào năm 2013 bà có vay của bà H 40.000.000 đồng, vay không có giấy tờ, lãi suất 12%/ tháng, bà đã trả lãi cho bà H đến ngày 02/11/2018 là 263.000.000 đồng, không có tài liệu, chứng cứ.

Vào năm 2014 bà có vay của bà H 30.000.000 đồng, vay không có giấy tờ, lãi suất 30%/ tháng, bà đã trả lãi cho bà H đến ngày 02/11/2018 là 323.000.000 đồng, không có tài liệu, chứng cứ.

Bà đã trả cho bà H 60.000.000 đồng tiền lãi là 10%/ tháng, từ ngày 02/11/2018- 02/01/2019, không có tài liệu, chứng cứ.

Cứ 10 ngày bà trả lãi một lần, nếu không trả lãi thì bà H, ông P cộng lãi vào vốn nên ngày 02/11/2018 bà mới ký giấy mượn tiền cho ông P là 300.000.000 đồng. Hiện tại, bà có trả thêm cho bà H 2.000.000 đồng vào tài khoản của bà H. Bà chỉ nợ bà H, ông P là 70.000.000 đồng, đến ngày 02/11/2018 bà H yêu cầu bà ký giấy nợ “giấy mượn tiền, ngày 02/11/2018 là do bà ký tên”. Nay bà xin trả dần 70.000.000 đồng trong thời hạn ba năm tính từ ngày 23/9/2019.

Phần tiền lãi bà đã trả tổng cộng là 646.000.000 đồng, bà yêu cầu khấu trừ vào số tiền vốn vay và lãi cho ông P là 349.800.000 đồng xem như là trả đủ cho ông P. Số tiền lãi còn dư là 296.200.000 đồng bà không yêu cầu bà H, ông P trả lại cho bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Người tiến hành tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi giải quyết vụ án dân sự Thẩm phán tuân thủ các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật. Những người tham gia phiên tòa: Các đương sự thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Ông P yêu cầu bà K trả 300.000.000 đồng nợ vốn vay và tiền lãi là 49.000.000 đồng, bà H đồng ý khấu trừ 2.000.000 đồng vào lãi, tổng cộng là 347.000.000 đồng. Bà H thừa nhận tờ giấy có nội dung bắt đầu : “Tiền K” do bà K nộp cho Tòa án là chính bà H viết ra và ghi các con số có tổng số tiền 297.350.000 đồng là phù hợp với tờ giấy ghi tiền do bà K ký giấy nhận nợ với ông P vào ngày 02/11/2018 là 300.000.000 đồng cũng như các tin nhắn điện thoại do bà H hăm dọa bà K và được bà K trích xuất từ số điện thoại của bà H “...Chieu nay giang ho xuong đập nha mày đo tao kg hu may đau...”. Do đó, có cơ sở xác định bà K bị bà H ép buộc ký giấy nhận nợ ngày 02/11/2018 là 300.000.000 đồng chính là số tiền lãi được tính trên số nợ 70.000.000 nên cần chấp nhận lời trình bày của bà K, chấp nhận một

phần yêu cầu khởi kiện của ông P đối với bà K là 70.000.000 đồng và khấu trừ 2.000.000 đồng vào lãi đã trả cho ông P.

Tại phiên tòa bà K cung cấp: Đơn xin miễn án phí, đơn xác nhận, bản sao huân chương kháng chiến của bà Quýt, bằng Tổ quốc ghi công của ông Thụ, tờ giấy ghi việc trả nợ, các tờ giấy in nội dung tin nhắn; bà H cung cấp tờ giấy tính tiền vay có nội dung: “tiền K”, các đương sự không yêu cầu đưa thêm người tham gia tố tụng khác và không có yêu cầu gì khác

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ của vụ án và kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ông Nguyễn Văn P khởi kiện bà Lê Thị Mai K về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại các điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

[2] Về nội dung vụ án: Hội đồng xét xử xét thấy ông P yêu cầu bà K trả cho ông P 300.000.000 đồng vốn vay và tiền lãi là 47.000.000 đồng.

Xét thấy, tại phiên tòa bà H thừa nhận tờ giấy tính tiền vay có nội dung: bắt đầu “Tiền K” do bà K giao nộp cho Tòa án, chữ viết là do bà H viết ra và ghi các con số có tổng số tiền 297.350.000 đồng là tương đồng với tờ giấy ghi tiền do bà K ký giấy nhận nợ với ông P vào ngày 02/11/2018 là 300.000.000 đồng, cũng tương đồng với số tiền ghi của hai tờ giấy của bà H, bà K cung cấp cho Tòa án. Bà H cho rằng “không biết tờ giấy này ở đâu mà bà K có” là không có cơ sở chấp nhận lời trình bày của bà H. Bởi bà H là chủ nợ cho vay, bà H không giao tờ giấy cho bà K thì làm gì có việc bà K có tờ giấy trên để giao nộp cho Tòa án.

Đối chiếu tờ giấy bà K giao nộp cho Tòa án thì số tiền bà H ghi là 297.350.000 đồng là tương đồng với số tiền bà K ký giấy nhận nợ với ông P, bà H.

Cũng có cơ sở là ông P và bà H ép buộc bà K ký giấy nhận nợ ngày 02/11/2018 được thể hiện bởi các tin nhắn điện thoại do bà H hâm dọa bà K và chính bà H thừa nhận là số điện thoại của chính mình, được bà K trích xuất từ số điện thoại của bà H “sao mày kg lo dong tien loi cho nguoi ta. Người ta moi cong het đưa giay cho tao may có lên tao đưa lại cho, tao thay cái giay tao chong mat luôn...” và “Chieu nay giang hô xuống đập nha mày đo tao kg hu may đau...”. Do đó, có cơ sở bà K bị bà H ép buộc ký giấy nhận nợ ngày 02/11/2018 là 300.000.000 đồng cũng chính là số tiền lãi được tính trên số nợ vốn vay 70.000.000 đồng nên cần chấp nhận lời trình bày của bà K, buộc bà K trả cho ông P 70.000.000 đồng và khấu trừ 2.000.000 đồng vào tiền lãi để trả cho ông P. Nên cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông P buộc bà K phải trả cho ông P vốn vay là 70.000.000 đồng và tiền lãi 11.42.500 đồng theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 khi án có hiệu lực pháp luật.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, đề nghị Hội đồng xét xử: chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông P là phù hợp.

[4] Từ nhận định trên, xét yêu cầu khởi kiện của ông P về tranh chấp hợp đồng vay tài sản là có căn cứ, nên cần chấp nhận một phần yêu cầu này của ông P.

Đối với phần lãi suất ông P yêu cầu là 0,34%/ tháng là không phù hợp, bà H đã rút yêu cầu này. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện ông P về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bà K về phần tiền lãi.

[5] Về án phí:

Bà K có đơn xin miễn án phí, tuy nhiên, đối chiếu khoản 2 Điều 14 Pháp lệnh “Người có công cách mạng” thì bà K không phải là con đẻ của liệt sĩ Châu Văn T nên không có cơ sở miễn án phí cho bà K. Bà K phải chịu án phí theo quy định.

Ông P phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 26, 35, 39, 147, 218, 244, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn P về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với bà Lê Thị Mai K.

Buộc bà Lê Thị Mai K phải có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn P 70.000.000 đồng và tiền lãi 9.420.500 đồng, tổng cộng là 79.420.500 đồng (bảy mươi chín triệu bốn trăm hai mươi nghìn năm trăm đồng).

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông P đối với số tiền vốn vay và tiền lãi là 267.579.500 đồng (hai trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm bảy mươi chín nghìn năm trăm đồng).

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông P về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bà K về phần tiền lãi. Các đương sự có quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án (quyết định) có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

Ông P phải chịu 13.378.975 đồng (mười ba triệu ba trăm bảy mươi tám nghìn chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 8.900.000 đồng (tám triệu chín trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000008 ngày 12 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An. Ông P phải nộp tiếp là 4.478.975 đồng (bốn triệu bốn trăm bảy mươi tám nghìn chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Bà K phải nộp 3.971.250 đồng (ba triệu chín trăm bảy mươi một nghìn hai trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án (quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh
- Viện kiểm sát huyện
- Chi cục THA dân sự huyện
- Các đương sự
- Lưu (hồ sơ, án văn)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Bảo Trí